

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B2OLV** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02137** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Luật Hiến pháp và Hành chính**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2253801011227	Nguyễn Thiện Tâm	12/02/1994				5	6.0	6.0			7.8		7.0
2	2253801011228	Phạm Văn Tòng	02/05/1988				9	8.0	6.0			8.0		7.8
3	2253801011229	Ngô Thị Cẩm Tú	01/01/1984				3	7.0	8.0			7.5		7.1
4	2253801011230	Nguyễn Thanh Tú	01/01/1988				3	6.0	6.0			0.0		2.2
5	2253801011231	Đinh Tấn Thanh	23/03/1998				6	9.0	7.0			8.0		7.8
6	2253801011232	Nguyễn Ngọc Thành	19/02/1980				7	6.0	9.0			8.0		7.8
7	2253801011233	Châu Thị Mộng Thúy	17/05/1992				3	8.0	7.0			8.5		7.7
8	2253801011234	Phan Thị Thừa	10/07/1982				6	7.0	9.0			9.3		8.6
9	2253801011548	Lê Thị Phương Thảo	23/06/1990				5	8.0	8.0			0.0		3.0
10	2253801011551	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	04/05/1979				9	9.0	7.0			7.0		7.5
11	2253801012870	Huỳnh Thị Mỹ Tiên	01/10/1982				3	5.0	6.0			5.5		5.3
12	2253801013393	Nguyễn Thị Mỹ Chi	05/07/1996				7	8.0	6.0			9.0		8.2
13	2253801013394	Nguyễn Văn Chiến	19/05/1993				7	7.0	8.0			7.5		7.5
14	2253801013395	Đoàn Thị Bé Chính	02/09/1983				9	8.0	6.0			8.5		8.1
15	2253801013396	Võ Quốc Đông	18/09/1988				7	8.0	5.0			0.0		2.6
16	2253801013397	Trịnh Thanh Hòa	31/01/1992				9	9.0	8.0			7.8		8.1
17	2253801013398	Lê Thị Huống	26/07/1984				7	9.0	5.0			8.0		7.6
18	2253801013399	Nguyễn Thị Diệu Hương	17/10/1990				5	8.0	8.0			0.0		3.0
19	2253801013400	Lê Hoàng Linh	19/12/1992				2	8.0	7.0			8.3		7.5
20	2253801013401	Lê Chí Thanh	29/07/1996				8	8.0	5.0			8.5		7.8
21	2253801013402	Nguyễn Nhật Thanh	20/08/1991				5	7.0	8.0			9.0		8.2

Châu Đốc, ngày 16 tháng 2 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Đoàn Thị Ngọc Yến